

TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH GIÃN THUẾ VÀ GIẢM THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐẾN CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH

Vũ Thị Hằng Nga^{1*}, Trần Hữu Cường¹, Trần Hoàng Long²

¹*Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam,*
²*Chi cục Thuế Thị xã Từ Sơn*

Email : vung0304@gmail.com*

Ngày nhận bài: 24.12.2014

Ngày chấp nhận: 18.03.2016

TÓM TẮT

Nghiên cứu tiến hành nhằm đánh giá những tác động của chính sách giãn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đến các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) trên địa bàn thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Nghiên cứu sử dụng số liệu thứ cấp từ nhiều nguồn khác nhau nhưng chủ yếu trích lọc từ dữ liệu của Chi cục Thuế thị xã Từ Sơn; số liệu sơ cấp được thu thập bằng phiếu điều tra phỏng vấn trực tiếp 310 mẫu năm 2013 bao gồm DNNVV và cán bộ Thuế. Phương pháp giả định so sánh được sử dụng để đánh giá sự tác động của chính sách. Số liệu được xử lý bằng phần mềm Excel. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng chính sách giãn thuế, giảm thuế đã tác động tới nguồn lực của doanh nghiệp như khả năng cung ứng vốn của các DNNVV; số lượng lao động; thu nhập của người lao động; số lượng doanh nghiệp giải thể, phá sản, tạm ngừng hoạt động và chỉ số hàng tồn kho. Bên cạnh đó, chính sách cũng có những tác động tới hoạt động sản xuất kinh doanh; kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Từ khóa: Chính sách giãn thuế, doanh nghiệp nhỏ và vừa, giảm thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp.

Impact of Extension and Reduction Policies of Enterprise Income Tax on Small and Medium – Sized Enterprises in Tu Son Town, Bac Ninh Province

ABSTRACT

This study was conducted to assess the impact of policies extending and reducing enterprise income tax on small and medium-sized enterprises (SMEs) in Tu Son town, Bac Ninh province. The study used secondary data from various sources, mainly from data of Tax Branch Tu Son town. In addition, primary data were collected by direct interviews of 310 respondents in 2013 including SMEs and tax officers using questionnaires. The comparative assumption method was used to assess the impact of policies and data were processed with Excel software. Research results indicated that the extending and reducing enterprise income tax have affected enterprise resources such as the ability to supply the capital of SMEs; number of employees; income of the employees; number of enterprise dissolution, bankruptcy, suspension of operations and inventory. In addition, the policy also has impacted to business operations, results and efficiency of SMEs.

Keywords: Enterprise income tax, extending and reducing enterprise income tax, small and medium enterprises (SMEs).

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm vừa qua, cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã ảnh hưởng lớn đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Các hoạt động kinh tế đầu tư trực tiếp nước ngoài, xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ đều giảm sút. Các doanh nghiệp (DN) sản xuất kinh doanh (SXKD) chịu tác động không

nhỏ, đặc biệt là các DNNVV. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê (2014), tính đến ngày 23 tháng 12 năm 2013, cả nước có 60.737 DN phải giải thể hoặc ngừng hoạt động, tăng 11,9% so với năm 2012. Chưa kể, hàng chục ngàn DN đang làm ăn thua lỗ hoặc có nguy cơ tạm ngừng hoạt động. Khoảng 60% các DNNVV hiện nay sản xuất sút kém, không đủ vốn duy trì hoạt động, chỉ 20% doanh nghiệp có cơ hội vượt qua

khủng hoảng. Bên cạnh vấn đề về vốn và không tiêu thụ được hàng hóa, các DN chịu gánh nặng về các loại thuế phải nộp như thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế TNDN... Nhằm giúp các DN từng bước tháo gỡ khó khăn, ổn định và phát triển SXKD, Chính phủ đã đưa ra những hỗ trợ về thuế như giãn thuế, giảm thuế... đặc biệt là chính sách giãn thuế, giảm thuế TNDN thông qua một số văn bản như Quyết định số 21/2011/QĐ – TTg ngày 06/4/2011, Nghị quyết số 08/2011/QH13 ngày 06/8/2011, Quyết định số 54/2011/QĐ-TTg Ngày 11/10/2011... Hiện nay, trên địa bàn thị xã Từ Sơn có khoảng hơn 1.000 DN trong đó chủ yếu là DNNVV, nhiều DN mới thành lập theo kiểu tự phát, cha truyền con nối từ kinh tế hộ đi lên nên năng lực cạnh tranh thấp, ít vốn, chưa có khả năng tìm kiếm thị trường trong khi vẫn phải duy trì sản xuất để bảo đảm việc làm cho người lao động và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước, đặc biệt là thuế TNDN (Chi cục Thuế Từ Sơn, 2013). Một câu hỏi đặt ra là chính sách giãn thuế, giảm thuế ra đời sẽ tác động thế nào tới đối tượng DN này. Vì vậy, mục tiêu của nghiên cứu này nhằm đánh giá những tác động của chính sách giãn thuế, giảm thuế TNDN đến các DNNVV trên địa bàn thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy những tác động tích cực và hạn chế những tác động tiêu cực của chính sách giãn thuế, giảm thuế tới các DNNVV trong thời gian tới, giúp các doanh nghiệp giảm bớt khó khăn trong thời kỳ khủng hoảng.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thu thập số liệu

- Nghiên cứu sử dụng số liệu thứ cấp của Chi cục Thuế thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh từ năm 2011-2013; báo cáo tổng kết của Tổng Cục thuế, Bộ Tài chính và địa phương điều tra. Số liệu sơ cấp được thu thập bằng phiếu điều tra có mục tiêu 280 DNNVV của 4 ngành nghề chủ yếu như đồ gỗ mỹ nghệ; sắt thép và luyện kim; dệt may; thương mại dịch vụ trên địa bàn thị xã và phỏng vấn trực tiếp 30 cán bộ của Chi cục Thuế.

Nội dung phỏng vấn tập trung vào các vấn đề: (1) Những vấn đề pháp lý và thủ tục hành

chính của chính sách giãn thuế, giảm thuế; (2) Tình hình thực hiện chính sách giãn thuế, giảm thuế TNDN của các DNNVV trên địa bàn thị xã; (3) Tác động của chính sách giãn thuế, giảm thuế đến các DNNVV trên địa bàn thị xã; (4) Đề xuất của các đối tượng trong việc thực thi chính sách giãn thuế, giảm thuế.

2.2. Xử lý và phân tích số liệu

Sau khi có được thông tin, tiến hành phân loại, sắp xếp và tổng hợp số liệu bằng phần mềm Excel thông qua các công cụ như bảng so sánh, số tuyệt đối, số tương đối, so sánh theo thời gian và so sánh giữa các đối tượng nghiên cứu.

Phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh được sử dụng để phân tích tình hình thực hiện chính sách giãn thuế, giảm thuế TNDN; tình hình SXKD của các DNNVV trước và sau khi thực hiện chính sách đó.

Một số chỉ tiêu được sử dụng để phản ánh hiệu quả SXKD của các DNNVV từ đó đánh giá một số tác động của chính sách giãn thuế, giảm thuế tới hiệu quả như: Tỷ suất lợi nhuận chi phí, tỷ suất lợi nhuận lao động, tỷ suất lợi nhuận vốn.

Để đánh giá tác động của việc thực hiện chính sách giãn, giảm thuế TNDN đối với các DNNVV chúng tôi sử dụng phương pháp giả định so sánh “Có và Không thực hiện chính sách” của Chi cục Thuế (2014) được tính như sau:

Đối với số thuế được giảm: Số thuế khi không thực hiện chính sách = Số thuế khi thực hiện chính sách + số thuế được giảm trừ 30%.

Đối với số thuế được gia hạn: Số thuế khi không thực hiện chính sách = Số thuế khi thực hiện chính sách + số thuế được gia hạn trong năm.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thị xã Từ Sơn

Những năm gần đây, 100% các DN mới thành lập trên địa bàn thị xã là các DNNVV. Trong số các DN đang hoạt động, số lượng DNNVV chiếm hơn 70%, chủ yếu hoạt động trong các lĩnh vực đồ gỗ mỹ nghệ, sản xuất sắt thép và luyện kim, thương mại dịch vụ...

Bảng 1. Số lượng các DNNVV trên địa bàn thị xã Từ Sơn theo lĩnh vực kinh doanh qua 3 năm 2011-2013

Hoạt động	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		So sánh (%)			
	Năm	SL (DN)	CC (%)	SL (DN)	CC (%)	SL (DN)	CC (%)	2012/2011	2013/2012	BQ
Tổng số		849	100	840	100	833	100	98,94	99,17	99,05
Đồ gỗ mỹ nghệ		245	28,86	243	28,93	243	29,17	99,18	100,00	99,59
Sắt thép và luyện kim		296	34,86	291	34,64	289	34,69	98,31	99,31	98,81
Dệt may		111	13,07	108	12,86	108	12,97	97,29	100,00	98,64
Thương mại dịch vụ		150	17,67	143	17,02	139	16,69	95,33	97,20	96,26
Khác*		47	5,54	55	6,55	54	6,48	117,02	98,18	107,19

Chú thích:* Các DN hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nước sạch; dịch vụ vận tải; sản xuất, kinh doanh giấy vệ sinh; sửa chữa ô tô; dúc; kinh doanh vàng bạc...

Nguồn: Chi cục Thuế Từ Sơn, 2014

Các DNNVV hoạt động trong lĩnh vực đồ gỗ mỹ nghệ và sản xuất sắt thép và luyện kim là chủ yếu, chiếm hơn 63% do đây là hai ngành nghề truyền thống của địa phương. Số lượng DNNVV ở các lĩnh vực đều có xu hướng giảm nhẹ trong 2 năm 2011 và 2012 và đến năm 2013 ổn định. Không khí sản xuất tại các DN, các làng nghề, nhất là đồ gỗ mỹ nghệ và sắt thép kém sôi động hơn những năm trước. Nhiều DN hoạt động cầm chừng, thậm chí hàng hóa ứ đọng, nợ lương công nhân nhiều tháng, không có tiền quay vòng vốn sản xuất dẫn đến việc phải đóng cửa. Riêng số lượng các DNNVV hoạt động trong các lĩnh vực khác như sản xuất, kinh doanh nước sạch; kinh doanh dịch vụ vận tải; sản xuất, kinh doanh giấy vệ sinh; sửa chữa ô tô; dúc; kinh doanh vàng bạc... tăng trong năm 2012 và có xu hướng giảm trong năm 2013. Tuy nhiên, những lĩnh vực kinh doanh này mang lại ít rủi ro và chịu ảnh hưởng ít của suy thoái kinh tế, tốc độ phát triển bình quân vẫn tăng (107,19%) và cần đầu tư nhiều hơn.

Số lượng lao động của các DNNVV có xu hướng giảm trong 3 năm gần đây, nhiều DN đã cắt giảm 1/3 lực lượng lao động của mình, đặc biệt trong hai lĩnh vực sản xuất sắt thép và kim loại và sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ. DN không đủ năng lực chi trả lương cho công nhân, buộc họ thôi việc hoặc công nhân tự đi tìm kiếm công việc mới.

Xét về kết quả SXKD, lợi nhuận của các ngành nghề như đồ gỗ mỹ nghệ, sản xuất sắt

thép và luyện kim, dệt may năm 2012 có xu hướng giảm so với năm 2011 nhưng năm 2013 tăng so với năm 2012. Sắt thép đạt gần 642 tỷ đồng, tăng 4,6%; đồ gỗ đạt hơn 353 tỷ đồng, tăng 5,2%. Nguyên nhân tăng chủ yếu do một số DN vẫn duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, một số DN tiếp tục đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới công nghệ và làm tốt công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu... Riêng với các DN và cơ sở sản xuất ở những làng nghề truyền thống như làng nghề sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ ở Đồng Kỵ, Phù Khê, Hương Mạc..., sau một thời gian dài sản xuất cầm chừng, thậm chí nhiều DN phải dừng sản xuất do thị trường đầu ra bị thu hẹp, sản phẩm làm ra khó tiêu thụ, gần đây đã phục hồi và phát triển khá mạnh, đặc biệt là sự phục hồi của thị trường Trung Quốc - nơi tiêu thụ chính sản phẩm của các làng nghề gỗ mỹ nghệ.

3.2. Tình hình thực hiện chính sách giảm thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

3.2.1. Kết quả thực hiện chính sách giảm thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

Mặc dù chính sách giảm thuế mới được thực hiện từ năm 2011 nhưng kết quả thực hiện chính sách trên địa bàn thị xã đã bước đầu cho

Tác động của chính sách giãn thuế và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đến các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bảng 2. Số thuế TNDN được giãn và giảm của các DNNVV trên địa bàn thị xã Từ Sơn qua 3 năm 2011 - 2013

Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		So sánh (%)		
	SL (Tỷ đồng)	CC (%)	SL (Tỷ đồng)	CC (%)	SL (Tỷ đồng)	CC (%)	2012/2011	2013/2012	BQ
Số thuế TNDN được giảm	10,621	100	8,348	100	10,278	100	78,60	123,12	98,37
Đồ gỗ mỹ nghệ	1,649	15,53	1,332	15,96	1,652	16,07	80,78	124,02	100,09
Sắt thép và luyện kim	5,021	47,27	3,247	38,90	4,447	43,27	64,67	136,96	94,11
Dệt may	0,962	9,06	0,798	9,56	0,868	8,44	82,95	108,77	94,99
Thương mại dịch vụ	2,081	19,59	2,036	24,39	2,236	21,76	97,84	109,82	103,66
Khác	0,908	8,55	0,935	11,20	1,075	10,46	102,97	114,97	108,80
Số thuế TNDN được gia hạn	17,857	100	14,608	100	16,112	100	81,81	110,29	94,99
Đồ gỗ mỹ nghệ	2,644	14,81	2,330	15,95	2,830	17,56	88,12	121,46	103,46
Sắt thép và luyện kim	8,543	47,84	5,681	38,89	6,561	40,72	66,50	97,89	80,68
Dệt may	1,683	9,42	1,395	9,55	1,975	12,26	82,89	141,58	108,33
Thương mại dịch vụ	3,398	19,03	3,576	24,48	3,022	18,76	105,24	84,51	94,31
Khác	1,589	8,90	1,626	11,13	1,724	10,70	102,33	106,03	104,16

Nguồn: Chi cục Thuế Từ Sơn, 2014

Bảng 3. Thái độ và việc thực thi chính sách giãn thuế, giảm thuế TNDN của đối tượng điều tra

Chỉ tiêu	Phía DNNVV (%)			Phía cán bộ thuế (%)		
	1	2	3	1	2	3
DN có hiểu rõ đối tượng, các quy định để được hưởng chính sách	74,9	12,0	13,1	81,2	5,5	13,3
Thái độ đồng tình, hưởng ứng của DN đối với chính sách	86,7	11,4	1,9	93,3	4,2	2,5
Khó khăn của DN khi tiếp cận chính sách, thực hiện chính sách:						
Thủ tục đơn giản nhưng mất thời gian trong việc kê khai và chứng minh	86,7	8,5	4,8	83,3	10,1	6,6
Nhiều văn bản ra đời phục vụ chính sách làm các DN khó biết thực hiện theo văn bản nào.	56,4	13,5	30,1	30,0	0	70,0
DN ngại làm việc lâu với cán bộ thuế khi thực hiện chính sách	63,6	12,7	23,7	80,0	7,5	12,5
Sự minh bạch và các bước thực hiện thủ tục rõ ràng	93,8	5,0	1,2	100	0	0
DN nghiêm chỉnh chấp hành việc nộp thuế sau khi đã được hưởng chính sách	75,9	24,1	0	56,7	33,3	10,0
Cơ quan thuế tích cực hướng dẫn việc thực thi chính sách và giải đáp thắc mắc của DN	91,0	5,2	3,8	93,5	6,5	0

Chú thích: (1) Đồng ý; (2) Bình thường; (3) Không đồng ý

Nguồn: Số liệu điều tra, 2014

thấy những lợi ích mà chính sách mang lại. Số thuế được giảm tương đối lớn, tập trung chủ yếu vào ba lĩnh vực SXKD đồ gỗ mỹ nghệ, sắt thép

và luyện kim; thương mại dịch vụ. Bên cạnh đó, chính sách giãn thuế được thực thi sớm hơn nên số thuế được giãn cao hơn.

3.2.2. Thái độ và việc thực hiện chính sách giảm thuế, giảm thuế TNDN của đối tượng điều tra

Qua bảng số liệu ta thấy, các DNNVV giảm được khá lớn số thuế TNDN phải nộp, đặc biệt trong ba lĩnh vực sắt thép và luyện kim, đồ gỗ mỹ nghệ và thương mại dịch vụ. Đối với số thuế TNDN được gia hạn, trên cơ sở kê khai của các DNNVV, tổng số thuế TNDN được gia hạn nộp năm 2011 là 17,857 tỷ đồng, năm 2012 là 14,608 tỷ đồng, giảm 18,19% so với năm 2011 do lợi nhuận từ quá trình SXKD của các DN trong năm này giảm. Năm 2013 số thuế TNDN được gia hạn tăng 10,29% so với năm 2012 do kinh tế có sự phục hồi, các DN gia tăng lợi nhuận ở các thị trường xuất khẩu. Với số tiền thuế TNDN được giảm và gia hạn này sẽ giúp các DN gia tăng vốn tái đầu tư để quay vòng SXKD và phát triển thêm các lĩnh vực kinh doanh mới, bớt phụ thuộc vào việc vay vốn ngân hàng; vay tín dụng và chi trả lương, ổn định thu nhập cho lượng lớn công nhân viên trên địa bàn thị xã...

Kết quả điều tra cho thấy 74,9% DNNVV và 81,2% cán bộ thuế được điều tra (Bảng 3) đều cho rằng DN hiểu rõ đối tượng và các quy định liên quan đến việc DN được hưởng chính sách giảm thuế và giảm thuế. Chỉ có 13,1% ý kiến cho rằng DN không quan tâm hoặc không hiểu rõ là do các DNNVV vừa mới thành lập, hoạt động SXKD chưa có lãi hoặc trong thời gian được hưởng chính sách miễn thuế TNDN nên những DN này không quan tâm tới chính sách tháo gỡ khó khăn mới của Nhà nước.

Về thái độ, trên 85% ý kiến của DN và cán bộ thuế được điều tra cho rằng các DN hưởng ứng, đồng tình và quan tâm tới chính sách này. Điều này cho thấy, chính sách Nhà nước đưa ra phù hợp và bước đầu giải quyết những khó khăn cho DN.

Phần lớn ý kiến của đối tượng điều tra cho biết chủ yếu các DN gặp khó khăn từ phía các quy định của chính sách ưu đãi trong quá trình thực hiện vì thủ tục xin gia hạn, giảm thuế TNDN tuy đơn giản hơn trước nhưng họ vẫn mất nhiều thời gian trong việc kê khai và chứng minh. Các DN còn gặp phải khó khăn khác do nhiều loại văn bản ra đời phục vụ cho việc thực

hiện chính sách nên các DN phải cập nhật liên tục để đảm bảo DN được hưởng chính sách ưu đãi có lợi nhất. Tuy nhiên có sự chênh lệch ý kiến giữa hai đối tượng này vì cán bộ thuế cho biết mỗi khi có văn bản mới, họ đều tuyên truyền, gửi tới các DN hoặc DN đến cơ quan thuế sẽ được trực tiếp hướng dẫn nên tỷ lệ DN gặp khó khăn trong việc tiếp cận văn bản sẽ ít. Còn đối với phía DN, với lý do nhiều công việc nên họ không để ý hay quan tâm nhiều tới sự ra đời của các văn bản, chỉ khi nào làm việc với cơ quan thuế họ mới quan tâm nên việc sử dụng hay tiếp cận thông tin về sự thay đổi này gặp nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, một trở ngại mà DN không mong muốn là DN ngại làm việc với cơ quan thuế khi yêu cầu được hưởng ưu đãi thuế TNDN vì khi DN yêu cầu hưởng ưu đãi từ chính sách, cán bộ thuế sẽ tiếp cận và làm việc nhiều hơn với DN. Và cũng có sự chênh lệch ý kiến trong khó khăn này, phía cán bộ thuế cho rằng khi cơ quan thuế làm việc tại DN được hưởng ưu đãi, DN buộc phải minh bạch các giấy tờ và phải sẵn sàng cung cấp mọi thông tin khi cơ quan thuế yêu cầu, mà đó là điều mà không DN nào muốn xảy ra.

Số liệu bảng 3 cho thấy ý kiến phía cơ quan Thuế là sau khi hưởng chính sách, vẫn xảy ra hiện tượng DN nộp thuế muộn và tỷ lệ DN không nghiêm chỉnh chấp hành còn tương đối cao. Cơ quan thuế phải đi đốc nợ, gửi giấy mời DN đến cơ quan thuế nộp thuế nhưng DN không đến hay một số DN làm ăn thua lỗ nên trốn thuế... Trong khi đó, 75,9% ý kiến phía DN cho rằng họ nghiêm chỉnh chấp hành và không có DN nào không thực hiện, họ không quan tâm tới thời gian họ nộp, chỉ quan tâm việc hoàn thành nghĩa vụ thuế đầy đủ là chấp hành. Đây là nguyên nhân chính dẫn tới sự chênh lệch ý kiến giữa hai phía.

Có trên 90% ý kiến cho rằng cơ quan thuế nhiệt tình, tích cực triển khai khi có chính sách hay có văn bản mới liên quan đến chính sách tới các DN. Các ý kiến còn lại cho rằng cơ quan thuế triển khai chính sách ở mức độ bình thường, khi có DN hỏi và thắc mắc thì giải đáp và chỉ có 3,8% ý kiến phía DN cho rằng cơ quan thuế không nhiệt tình, tích cực triển khai chính sách.

Tác động của chính sách giãn thuế và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đến các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

3.3. Tác động của chính sách giãn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đến các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

3.3.1. Tác động tới nguồn lực của doanh nghiệp

Thuế TNDN là khoản chuyển giao thu nhập của DN cho Nhà nước, vì vậy nó làm giảm thu nhập khả dụng của các DN một khoản đúng bằng phần thuế đã chuyển giao cho Nhà nước. Do thu nhập khả dụng của chủ sở hữu là các DN giảm nên với tư cách là người cung ứng vốn thì tổng cung về vốn cho các hoạt động SXKD của các DN giảm. Số tiền thuế TNDN mà các doanh

nh nghiệp phải nộp giảm đáng kể so với khi không thực hiện chính sách. Trong đó, năm 2011 và năm 2012 các DNNVV hoạt động các lĩnh vực khác như kinh doanh nước sạch, giấy... có số thuế phải nộp được giảm cao nhất. (Bảng 4).

Bảng số liệu 4 cho thấy, số tiền thuế TNDN mà các DN phải nộp giảm so với khi không thực hiện chính sách. Trong đó, năm 2011 và năm 2013 các DNNVV hoạt động các lĩnh vực sắt thép và luyện kim và DN thương mại - dịch vụ có số thuế phải nộp được giảm nhiều nhất so với số thuế phải nộp khi không thực hiện chính sách. Các DN trong lĩnh khác là DN được giảm số tiền thuế TNDN thấp nhất nhưng là những DN có số tiền thuế được giảm tăng dần qua các năm.

Bảng 4. So sánh giữa có và không thực hiện chính sách giảm thuế TNDN tác động tới nguồn cung về vốn của các DNNVV trên địa bàn thị xã Từ Sơn qua 3 năm 2011 – 2013
(ĐVT: Tỷ đồng)

Loại hình DN	Không thực hiện			Thực hiện			So sánh có và không thực hiện		
	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Tổng số thuế phải nộp	36,340	28,871	33,547	24,782	19,478	22,249	11,558	9,393	11,298
Đồ gỗ mỹ nghệ	6,288	5,059	5,326	4,314	3,107	3,149	1,974	1,952	2,177
Sắt thép và luyện kim	16,411	10,947	13,360	11,219	7,575	8,779	5,192	3,372	4,581
Dệt may	3,770	2,881	3,309	2,516	1,862	2,242	1,254	1,019	1,067
Thương mại dịch vụ	7,386	7,459	7,062	5,244	5,381	4,769	2,142	2,078	2,293
Khác	2,485	2,525	2,754	1,489	1,553	1,619	0,996	0,972	1,135

Nguồn: Chi cục Thuế Từ Sơn, 2014

Bảng 5. So sánh giữa có và không thực hiện chính sách giãn thuế TNDN tác động tới nguồn cung về vốn của các DNNVV trên địa bàn thị xã Từ Sơn qua 3 năm 2011 - 2013
(ĐVT: Tỷ đồng)

Loại hình DN	Không thực hiện			Thực hiện			So sánh giữa có và không thực hiện		
	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Tổng số thuế phải nộp	42,958	34,413	38,659	24,782	19,478	22,249	18,176	14,935	16,410
Đồ gỗ mỹ nghệ	6,991	5,508	6,033	4,314	3,107	3,149	2,677	2,401	2,884
Sắt thép và luyện kim	19,865	13,367	15,466	11,219	7,575	8,779	8,646	5,792	6,687
Dệt may	4,276	3,319	4,302	2,516	1,862	2,242	1,760	1,457	2,060
Thương mại dịch vụ	8,725	9,006	7,877	5,244	5,381	4,769	3,481	3,625	3,108
Khác	3,101	3,213	3,400	1,489	1,553	1,619	1,612	1,660	1,781

Nguồn: Chi cục Thuế Từ Sơn, 2014

Ngoài chính sách giảm thuế thì chính sách giãn thuế TNDN mà Chính phủ thực hiện từ năm 2009 và kéo dài đến thời điểm hiện nay cũng mang lợi ích rất lớn cho các DN. Số tiền thuế TNDN mà các DN được gia hạn nộp so với số thuế thực tế phải nộp khi không thực hiện chính sách giảm 42-43% tổng số thuế. Đặc biệt, năm 2011 và 2013, kinh tế có những dấu hiệu phục hồi, các DN sản xuất kinh doanh có thu nhập nên số tiền thuế được gia hạn cũng tăng, DN sắt thép và luyện kim và các DN đồ gỗ mỹ nghệ là những DN được hưởng lợi nhiều nhất từ chính sách này.

3.3.2. Tác động tới một số yếu tố liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các DNNVV

Thuế TNDN tuy không trực tiếp tác động đến thu nhập của người lao động ở các tổ chức kinh tế, nhưng nó sẽ ảnh hưởng gián tiếp rất lớn đến lĩnh vực này thông qua các tác động đến việc sử dụng nguồn thu nhập và phân phối lại thu nhập của DN. Và từ những tác động này sẽ ảnh hưởng đến nguồn thu nhập của người lao động.

Số liệu bảng 6 cho thấy, trên 90% ý kiến cho rằng số lượng lao động giảm nhiều. Dẫn đến điều này là các DN buộc phải thu hẹp sản xuất, hoạt động cầm chừng, cắt giảm lao động để đảm bảo doanh thu, lợi nhuận. Chỉ có khoảng 5,7% ý kiến phía các DN cho rằng số lượng lao động ổn định ở một số lĩnh vực như dệt may, thương mại – dịch vụ và lĩnh vực khác như kinh doanh nước sạch; dịch vụ thay thế và sửa chữa ô tô...

Tuy lao động có bị cắt giảm nhưng sau khi áp dụng chính sách giãn thuế, giảm thuế TNDN đối với các DNNVV thì thu nhập của người lao động

tương đối ổn định, tăng khoảng 20% so với năm 2011 và dao động từ 4 triệu đồng/1 tháng đến 5 triệu đồng/1 tháng. Một số ý kiến cho rằng lương của người lao động giảm chủ yếu ở một số lĩnh vực, làng nghề sản xuất đồ mỹ nghệ và sắt thép.

3.3.3. Tác động tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của các DNNVV

Thuế TNDN là loại thuế trực thu, điều tiết trực tiếp vào thu nhập chịu thuế và là loại thuế đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Các chỉ số đánh giá hiệu quả kinh doanh của các DNNVV trên địa bàn thị xã sau khi áp dụng chính sách có xu hướng tăng, giảm không đều qua các năm. Cụ thể: năm 2011 là năm đầu tiên thực hiện chính sách giảm thuế nhưng trong năm này tỷ suất lợi nhuận đạt được lớn nhất. Năm 2012, tỷ suất lợi nhuận chi phí và tỷ suất lợi nhuận vốn giảm lần lượt là 4,39% và 1,01% so với năm 2011. Sang năm 2013, tỷ suất này có dấu hiệu tăng trở lại. Năm 2012 tỷ suất lợi nhuận lao động tăng 1,78% so với năm 2011 và giảm 1,28% so với năm 2013. Đặc biệt, các chỉ số này đều có sự gia tăng so với khi không thực hiện chính sách, cao nhất là tỷ suất lợi nhuận chi phí và lợi nhuận vốn tăng 0,19% và 0,08% vào năm 2011. Điều này chứng tỏ, khi chính sách giảm thuế TNDN của Chính phủ đến được với các DNNVV đã giúp các DN tăng nguồn vốn phục vụ cho quá trình sản xuất và khuyến khích, hỗ trợ người lao động làm cho người lao động hăng say hơn trong công việc, hoàn thành tốt công việc được giao; góp phần gia tăng tỷ suất lợi nhuận lao động và tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu.

Bảng 6. Ý kiến của DN về thực hiện chính sách giãn thuế, giảm thuế TNDN tác động tới số lao động và thu nhập của họ trong các DNNVV trên địa bàn thị xã Từ Sơn (ĐVT: %)

Chỉ tiêu	Tăng	Ổn định	Giảm
1. Số lao động trong các DNNVV sau khi thực thi chính sách	0	5,7	94,3
2. Thu nhập của người lao động trong các DNNVV sau khi thực thi chính sách	5,8	82,4	11,8

Nguồn: Số liệu điều tra, 2014

Tác động của chính sách giãn thuế và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đến các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bảng 7. So sánh giữa có và không thực hiện chính sách giảm thuế tác động tới hiệu quả SXKD của các DNNVV trên địa bàn thị xã Từ Sơn qua 03 năm 2011 - 2013
(ĐVT: %)

Chỉ tiêu	Không thực hiện			Thực hiện			So sánh giữa có và không thực hiện		
	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1. Tỷ suất lợi nhuận chi phí	17,06	12,74	13,76	17,25	12,86	13,89	- 0,19	- 0,12	- 0,13
Đồ gỗ mỹ nghệ	15,68	15,80	15,72	15,83	15,92	15,86	- 0,15	- 0,12	- 0,14
Sắt thép và luyện kim	20,66	15,73	18,03	20,89	15,88	18,21	- 0,23	- 0,15	- 0,18
Dệt may	15,61	14,72	14,95	15,78	14,86	15,11	- 0,17	- 0,14	- 0,16
Thương mại dịch vụ	14,45	9,51	12,31	14,61	9,61	12,45	- 0,16	- 0,10	- 0,14
Khác	13,92	8,97	9,22	14,06	9,06	9,32	- 0,14	- 0,09	- 0,10
2. Tỷ suất lợi nhuận lao động	3,21	4,98	3,71	3,25	5,03	3,75	- 0,04	- 0,05	- 0,04
Đồ gỗ mỹ nghệ	2,20	4,58	3,55	2,22	4,61	3,59	- 0,02	- 0,03	- 0,04
Sắt thép và luyện kim	4,30	10,93	8,94	4,35	11,03	9,03	- 0,05	- 0,10	- 0,09
Dệt may	1,29	1,41	1,33	1,31	1,43	1,34	- 0,02	- 0,02	- 0,01
Thương mại dịch vụ	4,96	5,85	5,27	5,02	5,91	5,32	- 0,06	- 0,06	- 0,05
Khác	5,17	5,32	5,26	5,22	5,37	5,33	- 0,05	- 0,05	- 0,07
3. Tỷ suất lợi nhuận vốn	7,57	6,58	6,89	7,65	6,64	6,97	- 0,08	- 0,06	- 0,08
Đồ gỗ mỹ nghệ	8,76	7,21	7,71	8,84	7,27	7,78	- 0,08	- 0,06	- 0,07
Sắt thép và luyện kim	7,40	5,51	6,36	7,48	5,56	6,44	- 0,08	- 0,05	- 0,08
Dệt may	8,77	7,80	8,65	8,86	7,88	8,77	- 0,09	- 0,08	- 0,12
Thương mại dịch vụ	7,40	8,15	8,02	7,49	8,24	8,10	- 0,09	- 0,09	- 0,08
Khác	6,12	6,66	6,54	6,18	6,72	6,61	- 0,06	- 0,06	- 0,07

Nguồn: Số liệu tính toán, 2014

Các chỉ số thể hiện hiệu quả kinh doanh của các DNNVV khi thực hiện chính sách giãn thuế đã phân nào mô tả được những tác động tích cực do chính sách mang lại, các DNNVV đạt tỷ suất lợi nhuận chi phí và tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu lớn nhất là 17,25% và 7,65%.

Trong các lĩnh vực mà DNNVV hoạt động, tỷ suất lợi nhuận chi phí và tỷ suất lợi nhuận vốn đều có xu hướng tăng, giảm không đều qua các năm, năm 2012 giảm và năm 2013 tăng trở lại do có sự phục hồi của nền kinh tế và các thị trường trọng điểm mà DN cung cấp hàng. Đối với tỷ suất lợi nhuận lao động ngược lại, tăng mạnh năm 2012 và giảm năm 2013. DN sản xuất sắt thép và luyện kim đạt tỷ suất lợi nhuận chi phí lớn nhất vào năm 2011 (20,89%) và tỷ

suất lợi nhuận lao động lớn nhất năm 2013 (11,03%). Đối với tỷ suất lợi nhuận vốn, DN dệt may và DN sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ có tỷ suất lớn nhất.

3.3.4. Một số tác động tiêu cực

Nghiên cứu nhận thấy Chính phủ đưa ra giải pháp “gia hạn thời hạn nộp thuế TNDN cho DNNVV” là giải pháp trước mắt có thể giúp DN có vốn để SXKD nhưng trong dài hạn nếu DNSXKD không có hiệu quả hoặc môi trường kinh doanh không được cải thiện thì sẽ đẩy DN vào tình trạng nợ đọng tiền thuế kéo dài. Vì thuế được giãn thời hạn 01 năm, đến khi hết thời hạn 1 năm sau, DN vừa phải nộp thuế gia hạn vừa phải nộp thuế phát sinh trong quý đó, DN gặp rất nhiều khó khăn về tài chính.

Bảng 8. So sánh giữa có và không thực hiện chính sách giảm thuế TNDN tác động tới hiệu quả SXKD của các DNNVV trên địa bàn thị xã Từ Sơn qua 03 năm 2011 – 2013 (ĐVT: %)

Chỉ tiêu	Không thực hiện			Thực hiện			So sánh giữa có và không thực hiện		
	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1. Tỷ suất lợi nhuận chi phí	16,94	12,65	13,64	17,25	12,86	13,89	- 0,31	- 0,21	- 0,25
Đồ gỗ mỹ nghệ	15,59	15,71	15,61	15,83	15,92	15,86	- 0,24	- 0,21	- 0,25
Sắt thép và luyện kim	20,49	15,62	17,85	20,89	15,88	18,21	- 0,40	- 0,26	- 0,36
Dệt may	15,49	14,62	14,09	15,78	14,86	15,11	- 0,29	- 0,24	- 1,02
Thương mại dịch vụ	14,34	9,44	12,24	14,61	9,61	12,45	- 0,27	- 0,17	- 0,21
Khác	13,81	8,91	9,16	14,06	9,06	9,32	- 0,25	- 0,15	- 0,16
2. Tỷ suất lợi nhuận lao động	3,19	4,94	3,68	3,25	5,03	3,75	- 0,06	- 0,09	- 0,07
Đồ gỗ mỹ nghệ	2,19	4,55	3,53	2,22	4,61	3,59	- 0,03	- 0,06	- 0,06
Sắt thép và luyện kim	4,27	10,85	8,86	4,35	11,03	9,03	- 0,08	- 0,18	- 0,17
Dệt may	1,28	1,40	1,32	1,31	1,43	1,34	- 0,03	- 0,03	- 0,02
Thương mại dịch vụ	4,93	5,80	5,23	5,02	5,91	5,32	- 0,09	- 0,11	- 0,09
Khác	5,13	5,29	5,24	5,22	5,37	5,33	- 0,09	- 0,08	- 0,09
3. Tỷ suất lợi nhuận vốn	7,51	6,54	6,85	7,65	6,64	6,97	- 0,14	- 0,10	- 0,12
Đồ gỗ mỹ nghệ	8,71	7,17	7,66	8,84	7,27	7,78	- 0,13	- 0,10	- 0,12
Sắt thép và luyện kim	7,34	5,47	6,32	7,48	5,56	6,44	- 0,14	- 0,09	- 0,12
Dệt may	8,70	7,75	8,61	8,86	7,88	8,77	- 0,16	- 0,13	- 0,16
Thương mại dịch vụ	7,35	8,09	7,96	7,49	8,24	8,10	- 0,14	- 0,15	- 0,14
Khác	6,07	6,61	6,49	6,18	6,72	6,61	- 0,11	- 0,11	- 0,12

Nguồn: Số liệu tính toán, 2014

Thuế TNDN có nhiều quy định khuyến khích, hỗ trợ thông qua chế độ miễn giảm thông thường áp dụng đối với các DN mới thành lập hoặc DN được hưởng ưu đãi đầu tư, nhưng đồng thời cũng dùng biện pháp giảm thuế, giảm thuế TNDN cho các DNNVV như hiện nay. Điều đó dẫn đến tình trạng phức tạp, chông chéo giữa chế độ miễn giảm và chế độ ưu đãi bằng thuế suất. Quy định như vậy vừa gây khó khăn cho việc các DNNVV áp dụng vừa làm giảm hiệu quả thu ngân sách Nhà nước.

Nhiều DNNVV đã lợi dụng số tiền thuế có được từ chính sách gia hạn thuế, giảm thuế TNDN sử dụng vào mục đích khác như đầu tư tài chính, đầu tư bất động sản... mà không dùng để tháo gỡ khó khăn trong SXKD cho DN.

Đối với nhiều DNNVV đang đứng bên bờ vực giải thể, phá sản và tạm ngừng hoạt động thì

chính sách gia hạn thuế, giảm thuế TNDN không còn có ý nghĩa vì DN không còn vốn để hoạt động SXKD, hàng tồn kho lớn, nợ xấu nhiều.

4. KẾT LUẬN

Trong tình hình kinh tế chung hiện nay, giải pháp giảm thuế, giảm thuế TNDN cho DNNVV là một trong những hỗ trợ thiết thực được DN cũng như các ngành chức năng trên cả nước nói chung và trên địa bàn thị xã Từ Sơn nói riêng đồng tình, hưởng ứng. Trong số các DN đang hoạt động trên địa bàn thị xã thì số lượng DNNVV chiếm hơn 70%, chủ yếu hoạt động trong các lĩnh vực như sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ, sản xuất sắt thép và luyện kim, thương mại dịch vụ... Chính sách này giúp tăng nguồn lực các DN trên địa bàn thị xã như nguồn cung về vốn, đảm bảo đời sống cho người lao động thông qua việc ổn định

Tác động của chính sách giãn thuế và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đến các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

và tăng thu nhập; cải thiện hiệu quả SXKD của DNNVV thông qua việc đánh giá một số tiêu chí như tỷ suất lợi nhuận chi phí, tỷ suất lợi nhuận lao động và tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu đều tăng so với khi không thực hiện chính sách. Bên cạnh đó, cơ quan Thuế cần phối hợp với các DN để hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực do chính sách mang lại như tình trạng nợ đọng thuế, chính sách chồng chéo dễ gây hiểu nhầm hoặc gây khó khăn trong quá trình thực hiện của các DN, hạn chế việc sử dụng sai mục đích tiền thuế của các DN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Tài chính (2013). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và một số quy định hướng dẫn thi hành. Tạp chí Thuế. Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.

Chi cục Thuế thị xã Từ Sơn (2009-2014). Dự toán giao thu ngân sách Nhà nước hàng năm.

Chi cục Thuế thị xã Từ Sơn (2010-2013). Báo cáo tổng kết công tác thuế hàng năm.

Chi cục Thuế thị xã Từ Sơn (2013-2014). Báo cáo về việc chuẩn bị báo cáo kiểm điểm giữa nhiệm kỳ Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ 18.

Trần Hoàng Long (2013). Nghiên cứu ảnh hưởng của chính sách giãn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đến kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Luận văn Thạc sỹ Quản trị kinh doanh. Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

Đỗ Đức Minh, Nguyễn Việt Cường (2005). Giáo trình lý thuyết thuế. Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh (2011). Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2011-2015. Trích dẫn 16/07/2013 tại: <http://www.bacninh.gov.vn/>.